ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – ĐỀ 2

MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Listen and choose the correct picture.

Tải bài nghe tại đây

1. What does she usually wear in autumn?

A.

B.

C.

2. Where did he go last summer?

A.

B. 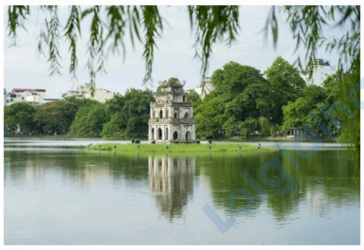

C.

3. How can they get to the aquarium?

A.

B.

C.

4. What did Bill do?

A.

B.

C.

II. Listen and choose the correct answer.

Tải bài nghe tại đây

1. What are they going to do next weekend?

A. Have a camping trip. B. Have a boat trip. C. Have a fishing trip.

2. Where are they going to visit?

A. Ba Vi. B. Tam Dao. C. Cuc Phuong.

3. What activities are they going to do?

A. Hiking, swimming, and having a campfire.

B. Hiking, playing games, and having a campfire.

C. Hiking, fishing, and having a campfire.

4. What is NOT on the list of things to bring?

A. Sleeping bags. B. Hats. C. Warm clothes.

5. Which of the following is NOT true?

A. The school will send a detailed note to students' parents after the trip.

B. Parents must sign a paper to allow their children to go on the trip.

C. The teacher reminds her students what they need to prepare for the trip.

III. Choose the correct answers.

1. Who are the main _____ in the story?

A. characters

B. character

C. weathers

2. Choose the suitable answer:

How's the weather today?

A. I often wear jeans

B. It's rainy outside.

C. You can get there by bus.

3. Where _____ to visit this summer?

A. you are going

B. going you are

C. are you going

4. I want _____ Imperial City of Hue this summer.

A. to visit

B. visit

C. visiting

5. _____ is it from your house to the supermarket? – About 3 km.

A. How

B. How far

C. How often

IV. Read and choose the best answers.

Hi, I'm Lucy. I love summer and winter in my country. During summer, the sun shines brightly, and the weather is really hot. For me, it's ideal to wear T-shirts and shorts in summer. I often play outside with my friends. We ride our bikes and fly kites in the park. In winter, it's cold and dry. I love wearing jumpers, jeans with boots and look so fashionable! I also love staying at home and enjoying my hot chocolate in snowy weather. Both seasons are so much interesting!

1. Lucy likes wearing jeans in summer.
2. Lucy often meets her friends and plays games in summer
3. The weather is cold and rainy in winter.
4. Lucy thinks that she looks so fashionable in winter.
5. Lucy likes having hot chocolate in winter.

V. Make correct sentence, using the clues given.

1. I / going / visit / aquarium / my classmate / this weekend.

_____

2. main / character / story / ant / grasshopper.

_____

3. My brother / like / wear / jeans / T-shirt / spring.

_____

4. It / about / 100 kilometres / from / Ha Noi / Hai Phong.

_____

5. I / think / they / beautiful / kind / .

_____

----------THE END----------

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Listen and number.

Phương pháp giải:

- Đọc câu hỏi, gạch chân các từ khoá.

- Quan sát các bức tranh, nắm được sự khác nhau giữa chúng.

- Nghe kĩ auduo và chọn ra đáp án đúng nhất.

Bài nghe:

1.

B: What do you usually wear in autumn?

G: I usually wear a dress.

2.

G: Did you go to Phu Quoc Island last summer?

B: No, I didn't. I went to Ha Long Bay.

3.

B: Can we get to the aquarium by bicycle, Mai?

G: No, we can't. It's too far. We can get there by bus.

4.

G: What did you do yesterday, Bill?

B: We had a school trip.

G: Wow, did you have a campfire and dance around it?

B: No, I didn't. I played the guitar.

Tạm dịch:

1.

B: Bạn thường mặc gì vào mùa thu?

G: Mình thường mặc váy.

2.

G: Bạn có đi đảo Phú Quốc vào mùa hè năm ngoái không?

B: Mình không. Mình đã đến vịnh Hạ Long.

3.

B: Chúng ta có thể đi đến thủy cung bằng xe đạp được không, Mai?

G: Không được đâu. Xa lắm đó. Chúng ta có thể đến đó bằng xe buýt.

4.

G: Hôm qua bạn đã làm gì vậy, Bill?

B: Bọn mình đã có một chuyến đi thực tế của trường.

G: Wow, các bạn có đốt lửa trại và nhảy múa xung quanh không?

B: Không đâu. Mình đã chơi đàn ghi-ta.

Lời giải chi tiết:

1. What does she usually wear in autumn?

(Cô ấy thường mặc gì vào mùa thu?)

Thông tin: I usually wear a dress.

(Mình thường mặc váy.)

Chọn A

2. Where did he go last summer?

(Cô ấy đã đi đâu vào mùa hè trước?)

Thông tin: No, I didn't. I went to Ha Long Bay.

(Mình không. Mình đã đến vịnh Hạ Long.)

Chọn C

3. How can they get to the aquarium?

(Họ có thể đến thuỷ cung bằng cách nào?)

Thông tin: No, we can't. It's too far. We can get there by bus.

(Không được đâu. Xa lắm đó. Chúng ta có thể đến đó bằng xe buýt.)

Chọn C

4. What did Bill do?

(Bill đã làm gì?)

Thông tin: No, I didn't. I played the guitar.

(Không đâu. Mình đã chơi đàn ghi-ta.)

Chọn A

II. Listen and choose the correct answer.

Phương pháp giải:

- Đọc các câu đề bài cho, gạch chân các từ khoá, xác định sự khác nhau giữa các phương án.
- Nghe và để ý đến những từ khoá.

- Xác định đáp án đúng cho từng câu hỏi.

Bài nghe:

Hello, class! I'm excited to tell you about our camping trip to Ba Vi camping site next weekend! We're going to do lots of fun activities, like hiking, playing games, and enjoying a campfire at night. Remember to bring a warm sleeping bag, a flashlight, comfortable clothes, a hat, and sunscreen. I'll send a note to your parents with all the details, so please make sure to get their permission before the trip. Let's get ready for an adventure and make some great memories together!

Tạm dịch:

Chào cả lớp! Cô rất hào hứng khi thông báo với các em về chuyến cắm trại tại khu cắm trại Ba Vì vào cuối tuần sau! Chúng ta sẽ tham gia rất nhiều hoạt động thú vị như đi bộ đường dài, chơi trò chơi và thưởng thức lửa trại vào buổi tối. Hãy nhớ mang theo túi ngủ ấm, đèn pin, quần áo thoải mái, mũ và kem chống nắng nhé. Cô sẽ gửi một tờ thông báo đến phụ huynh với đầy đủ thông tin, vì vậy các em nhớ xin phép ba mẹ trước khi tham gia chuyến đi. Hãy cùng chuẩn bị cho một cuộc phiêu lưu và tạo nên những kỷ niệm thật tuyệt vời cùng nhau nhé!

Lời giải chi tiết:

1. What are they going to do next weekend?

(Họ sẽ làm gì vào cuối tuần sau?)

A. Have a camping trip.

(Đi cắm trại.)

B. Have a boat trip.

(Đi thuyền)

C. Have a fishing trip.

(Đi câu cá.)

Thông tin: I'm excited to tell you about our camping trip to Ba Vi camping site next weekend!

(Cô rất hào hứng khi thông báo với các em về chuyến cắm trại tại khu cắm trại Ba Vì vào cuối tuần sau!)

Chọn A

2. Where are they going to visit?

(Họ sẽ đi tham quan ở đâu?)

A. Ba Vi.

(Ba Vì.)

B. Tam Dao.

(Tam Đảo.)

C. Cuc Phuong.

(Cúc Phương.)

Thông tin: I'm excited to tell you about our camping trip to Ba Vi camping site next weekend!

(Cô rất hào hứng khi thông báo với các em về chuyến cắm trại tại khu cắm trại Ba Vì vào cuối tuần sau!)

Chọn A

3. What activities are they going to do?

(Họ sẽ tham gia những hoạt động gì?)

A. Hiking, swimming, and having a campfire.

(Đi bộ đường dài, bơi lội và đốt lửa trại.)

B. Hiking, playing games, and having a campfire.

(Đi bộ đường dài, chơi trò chơi và đốt lửa trại.)

C. Hiking, fishing, and having a campfire.

(Đi bộ đường dài, câu cá và đốt lửa trại.)

Thông tin: We're going to do lots of fun activities, like hiking, playing games, and enjoying a campfire at night.

(Chúng ta sẽ tham gia rất nhiều hoạt động thú vị như đi bộ đường dài, chơi trò chơi và thưởng thức lửa trại vào buổi tối.)

Chọn B

4. What is NOT on the list of things to bring?

(Điều gì KHÔNG có trong danh sách những thứ cần mang theo?)

A. Sleeping bags.

(Túi ngủ.)

B. Hats.

(Mũ.)

C. Warm clothes.

(Quần áo ấm.)

Thông tin: Remember to bring a warm sleeping bag, a flashlight, comfortable clothes, a hat, and sunscreen.

(Hãy nhớ mang theo túi ngủ ấm, đèn pin, quần áo thoải mái, mũ và kem chống nắng nhé.)

Chọn C

5. Which of the following is NOT true?

(Câu nào sau đây là KHÔNG đúng?)

A. The school will send a detailed note to students' parents after the trip. => Đúng

(Trường sẽ gửi một thông báo chi tiết cho phụ huynh sau chuyến đi.)

Thông tin: I'll send a note to your parents with all the details

(Cô sẽ gửi một tờ thông báo đến phụ huynh với đầy đủ thông tin)

B. Parents must sign a paper to allow their children to go on the trip. => Không có thông tin

(Phụ huynh phải ký giấy cho phép con mình tham gia chuyến đi.)

C. The teacher reminds her students what they need to prepare for the trip. => Đúng

(Cô giáo nhắc học sinh những thứ cần chuẩn bị cho chuyến đi.)

Thông tin: Remember to bring a warm sleeping bag, a flashlight, comfortable clothes, a hat, and sunscreen.

(Hãy nhớ mang theo túi ngủ ấm, đèn pin, quần áo thoải mái, mũ và kem chống nắng nhé.)

Chọn B

III. Choose the correct answers.

1.

Phương pháp giải:

- Dựa vào động từ to be "are" để xác định loại danh từ.

- Dịch câu và các phương án để nắm được ngữ cảnh.

Who are the main _____ in the story?

(Ai là những _____ chính trong câu chuyện?)

Lời giải chi tiết:

Nhận thấy "are" là động từ to be chỉ đi với các chủ ngữ số nhiều.

A. characters (n): các nhân vật => hợp lí cả về mặt nghĩa và ngữ pháp

B. character (n): nhân vật => hợp lí về mặt nghĩa nhưng sai về ngữ pháp

C. weathers (n): thời tiết => không hợp lí về mặt nghĩa

Câu hoàn chỉnh: Who are the main **characters** in the story?

(Ai là những nhân vật chính trong câu chuyện?)

Chọn A

2.

Phương pháp giải:

Giải các câu hỏi và các phương án để nắm được ngữ cảnh và chọn ra câu trả lời hợp lí nhất.

Lời giải chi tiết:

How's the weather today?

(Thời tiết hôm nay như thế nào?)

Nhận thấy câu hỏi là mang nội dung hỏi về thời tiết.

A. I often wear jeans. => Sai, vì câu hỏi không hỏi về trang phục

(Tôi thường mặc quần bò.)

B. It's rainy outside. => Đúng, vì câu hỏi trên hỏi về thời tiết

(Trời mưa bên ngoài.)

C. You can get there by bus. => Sai, vì câu hỏi không hỏi về phương tiện

(Bạn có thể đến đó bằng xe buýt.)

Đoạn hội thoại hoàn chỉnh:

How's the weather today?

(Thời tiết hôm nay như thế nào?)

It's rainy outside.

(Trời mưa bên ngoài.)

Chọn B

3.

Phương pháp giải:

Dựa vào "this summer" và các phương án để xác định được rằng câu này là câu ở thì tương lai gần với "going to".

Lời giải chi tiết:

Ta có cấu trúc câu hỏi Wh ở thì tương lai gần với "going to":

Wh + am/is/are + chủ ngữ + going to + động từ nguyên mẫu?

Câu hoàn chỉnh: Where **are you going** to visit this summer?

(Bạn sẽ đi đâu vào mùa hè này?)

Chọn C

4.

Phương pháp giải:

Dựa vào "want" để xác định được dạng động từ cần điền vào chỗ trống.

Lời giải chi tiết:

Ta có cấu trúc "want + to V" mang nghĩa " muốn làm gì".

Câu hoàn chỉnh: I want **to visit** Imperial City of Hue this summer.

(Tôi muốn đến thăm Hoàng Thành Huế vào mùa hè này.)

Chọn A

5.

Phương pháp giải:

- Giải các câu hỏi và các phương án để nắm được ngữ cảnh và chọn ra câu trả lời hợp lí nhất.

_____ is it from your house to the supermarket? – About 3 km.

(_____ từ nhà bạn đến siêu thị? – Khoảng 3 km?)

- Dựa vào câu trả lời, từ đó xác định nội dung của câu hỏi.

Lời giải chi tiết:

Nhận thấy câu trả lời mang nội dung về khoảng cách địa lí, vậy nên câu hỏi cũng phải hỏi về nội dung tương tự.

A. How: Như thế nào – hỏi về đặc điểm hoặc cách thức => Không hợp lí

B. How far: Bao xa – hỏi về khoảng cách => Hợp lí

C. How often: Bao lâu một lần – Hỏi về tần suất => Không hợp lí

Câu hoàn chỉnh: **How far** is it from your house to the supermarke? – About 3 km.

(Nhà bạn cách siêu thi bao xa? – Khoảng 3km.)

Chọn B

IV. Read and choose True or False for each statement.

Bài đọc:

Hi, I'm Lucy. I love summer and winter in my country. During summer, the sun shines brightly, and the weather is really hot. For me, it's ideal to wear T-shirts and shorts in summer. I often play outside with my friends. We ride our bikes and fly kites in the park. In winter, it's cold and dry. I love wearing jumpers, jeans with boots and look so fashionable! I also love

staying at home and enjoying my hot chocolate in snowy weather. Both seasons are so much interesting!

Tạm dịch:

Xin chào, mình là Lucy. Mình rất thích mùa hè và mùa đông ở đất nước mình. Vào mùa hè, mặt trời chiếu sáng rực rỡ và thời tiết thì rất nóng. Đối với mình, mặc áo thun và quần short vào mùa hè là lý tưởng nhất. Mình thường chơi ở ngoài cùng với các bạn. Chúng mình đạp xe và thả diều ở công viên. Vào mùa đông, trời lạnh và khô. Mình thích mặc áo len, quần jean với bốt – nhìn rất thời trang! Mình cũng thích ở nhà và thưởng thức sô cô la nóng trong thời tiết có tuyết. Cả hai mùa đều thật thú vị!

Phương pháp chung:

- Đọc các câu hỏi và phương án, gạch chân các từ khoá.
- Đọc kĩ bài đọc, chú ý đến những ý được gạch chân.
- Chọn True or False cho từng câu.

Lời giải chi tiết:

1. Lucy likes wearing jeans in summer.

(Lucy thích mặc quần bò vào mùa hè.)

Thông tin: For me, it's ideal to wear T-shirts and shorts in summer.

(Đối với mình, mặc áo thun và quần short vào mùa hè là lý tưởng nhất.)

Chọn False

2. Lucy often meets her friends and plays games in summer.

(Lucy thường gặp gỡ bạn bè và chơi trò chơi vào mùa hè.)

Thông tin: I often play outside with my friends.

(Mình thường chơi ở ngoài cùng với các bạn.)

Chọn True

3. The weather is cold and rainy in winter.

(Thời tiết lạnh và mưa vào mùa đông.)

Thông tin: In winter, it's cold and dry.

(Vào mùa đông, trời lạnh và khô.)

Chọn False

4. Lucy thinks that she looks so fashionable in winter.

(Lucy nghĩ rằng cô ấy trông thật sành điệu vào mùa đông.)

Thông tin: I love wearing jumpers, jeans with boots and look so fashionable!

(Mình thích mặc áo len, quần jean với bốt – nhìn rất thời trang!)

Chọn True

5. Lucy likes having hot chocolate in winter.

(Lucy thích uống sô-cô-la nóng vào mùa đông.)

Thông tin: I also love staying at home and enjoying my hot chocolate in snowy weather.

(Mình cũng thích ở nhà và thưởng thức sô cô la nóng trong thời tiết có tuyết.)

Chọn True

V. Make correct sentences, using the clues given.

Phương pháp giải:

- Đọc và dịch những từ/cụm từ được cung cấp, xác định chức năng và vị trí của chúng ở trong câu.

- Áp dụng các cấu trúc câu đã học, sử dụng những từ/cụm từ đã cho để tạo thành những câu đúng.

Lời giải chi tiết:

1. I / going / visit / aquarium / my classmate / this weekend.

Dựa vào "going" và "this weekend" để xác định được đây là câu khẳng định ở thì tương lai gần.

Ta có cấu trúc: Chủ ngữ + am/is/are + going to + động từ nguyên mẫu + tân ngữ.

Câu hoàn chỉnh: I am going to visit the aquarium with my classmate this weekend.

(Tôi sẽ đến thăm thủy cung với bạn cùng lớp của tôi vào cuối tuần này.)

2. main / character / story / ant / grasshopper.

Nhận thấy "ant" và "grasshopper" là số nhiều, vậy nên chue ngữ của câu này phải là danh từ số nhiều, và động từ to be tương ứng phải là "are".

Ta có cấu trúc: Chủ ngữ số nhiều + are + danh từ số nhiều.

Câu hoàn chỉnh: The main characters in the story are the ant and the grasshopper.

(Những nhân vật chính trong câu chuyện là con kiến và con dế.)

3. My brother / like / wear / jeans / T-shirt / spring.

- like + V-ing: thích làm gì

- "My brother" là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít, vậy nên động từ chính trong câu này phải là động từ được chia.

Câu hoàn chỉnh: My brother likes wearing jeans and a T-shirt in spring.

(Anh trai tôi thích mặc quần jeans và áo thun vào mùa xuân.)

4. It / about / 100 kilometres / from / Ha Noi / Hai Phong.

Ta có cấu trúc nói về khoảng cách giưa 2 địa điểm:

It's (+ about) + khoảng cách + from + địa điểm 1 + to + địa điểm 2.

Câu hoàn chỉnh: It is about 100 kilometres from Ha Noi to Hai Phong.

(Từ Hà Nội đến Hải Phòng dài khoảng 100 km.)

5. I / think / they / beautiful / kind / .

Sau "I think" là một mệnh đề, được dùng để bày ro suy nghĩ.

Câu hoàn chỉnh: I think they are beautiful and kind.

(Tôi nghĩ họ rất xinh đẹp và tốt bụng.)